



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
Năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 11/12/2023;

Căn cứ nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ-TMDK ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo kiểm soát năm 2023, như sau:

1. Thực hiện kinh doanh năm 2023 so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Sản lượng bán xăng dầu các loại 1.189.558.724 lít, đạt 103,80% so với Nghị quyết năm 2023 (1.146.000.000 lít).

Sản lượng bán dầu nhòn 107.289 lít, đạt 71,25% so với Nghị quyết năm 2023 (150.000 lít).

Tổng Doanh thu thực hiện 20.395 tỷ đồng, đạt 121,91% so với Nghị quyết (16.730 tỷ đồng); Lợi nhuận trước thuế 71,76 tỷ đồng, đạt 58,31% so với Nghị quyết (123 tỷ đồng).

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Nghị quyết Đại hội	Mức độ hoàn thành
Tổng doanh thu	20.395.257.988.308	16.730.000.000.000	121,91%
Tổng chi phí	20.323.501.001.103	16.607.000.000.000	
Tổng lợi nhuận trước thuế	71.756.987.205	123.000.000.000	58,31%

Chỉ tiêu tài chính: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

DVT: đồng

Nội dung	MS	Ngày 31/12/2023	Ngày 01/01/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	5.874.469.057.664	5.086.649.064.629
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.739.196.347.108	1.159.553.105.374
Tiền	111	712.996.347.108	1.159.553.105.374
Các khoản tương đương tiền	112	1.026.200.000.000	0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.387.492.000.000	1.382.892.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.387.492.000.000	1.382.892.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.311.153.050.753	1.133.696.997.419
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.032.696.337.830	928.134.062.338
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.922.499.068	8.686.697.601
Phải thu ngắn hạn khác	136	280.918.197.710	205.549.891.639

Nội dung	MS	Ngày 31/12/2023	Ngày 01/01/2023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-8.407.827.394	-8.697.497.698
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	23.843.539	23.843.539
Hàng tồn kho	140	1.414.422.927.101	1.385.410.022.553
Hàng tồn kho	141	1.414.422.927.101	1.385.410.022.553
Tài sản ngắn hạn khác	150	22.204.732.702	25.096.939.283
Thuế GTGT được khấu trừ	152	0	24.556.464.226
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22.204.732.702	540.475.057
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.566.230.819.875	1.575.715.478.194
Tài sản cố định	220	1.315.042.276.346	1.323.297.462.687
Tài sản cố định hữu hình	221	368.387.271.635	376.612.275.508
Nguyên giá	222	975.549.505.161	951.182.048.350
Giá trị hao mòn lũy kế	223	-607.162.233.526	-574.569.772.842
Tài sản cố định vô hình	227	946.655.004.711	946.685.187.179
Nguyên giá	228	947.141.765.488	947.026.185.488
Giá trị hao mòn lũy kế	229	-486.760.777	-340.998.309
Tài sản dở dang dài hạn	240	6.812.245.296	6.874.087.635
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.812.245.296	6.874.087.635
Đầu tư tài chính dài hạn	250	233.827.281.400	232.953.390.546
Đầu tư vào công ty con	251	110.465.098.507	110.465.098.507
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	114.881.009.836	114.881.009.836
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18.970.959.835	18.970.959.835
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-10.489.786.778	-11.363.677.632
Tài sản dài hạn khác	260	10.549.016.833	12.590.537.326
Chi phí trả trước dài hạn	261	10.549.016.833	12.590.537.326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	7.440.699.877.539	6.662.364.542.823
NỢ PHẢI TRẢ	300	6.442.256.011.898	5.644.525.889.464
Nợ ngắn hạn	310	6.215.431.386.953	5.417.662.467.133
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.390.784.941.308	1.889.095.089.713
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3.993.690.915	9.518.488.907
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	29.387.126.825	31.493.000.775
Phải trả người lao động	314	0	13.001.861.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.547.450.319	1.517.603.294
Phải trả ngắn hạn khác	319	20.931.683.426	866.116.405.735
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.307.684.721.096	2.223.868.436.250
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	3.390.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13.851.255.699	8.777.913.665
Quỹ bình ổn giá	323	446.250.517.365	370.883.667.227
Nợ dài hạn	330	226.824.624.945	226.863.422.331
Phải trả dài hạn khác	337	226.824.624.945	226.863.422.331
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	998.443.865.641	1.017.838.653.359
Vốn chủ sở hữu	410	998.443.865.641	1.017.838.653.359
Vốn góp của chủ sở hữu	411	873.239.800.000	873.239.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	873.239.800.000	873.239.800.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	79.554.871.219	60.079.871.219

Nội dung	MS	Ngày 31/12/2023	Ngày 01/01/2023
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	45.649.194.422	84.518.982.140
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-12.580.249.119	-13.889.709.948
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	58.229.443.541	98.408.692.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	7.440.699.877.539	6.662.364.542.823

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn là tài sản lưu động / Nợ ngắn hạn (5.874.469.057.664/ 6.215.431.386.953) tương đương 0,95 lần.

- Hệ số thanh toán nhanh là (Vốn bằng tiền + các khoản phải thu)/Nợ ngắn hạn (3.050.349.397.861/ 6.215.431.386.953) tương đương 0,49 lần.

- Hệ số thanh toán tức thời là vốn bằng tiền/Nợ đến hạn (1.739.196.347.108/ 6.215.431.386.953) tương đương 0,28 lần.

Cơ cấu vốn và đòn bẩy tài chính

- Hệ số tự tài trợ là vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn (873.239.800.000/ 7.440.699.877.539) tương đương 0,12 vòng.

- Hệ số nợ là tổng nợ phải trả/ tổng tài sản (6.442.256.011.898/ 7.440.699.877.539) tương đương 0,87 lần.

Chỉ tiêu về khả năng hoạt động

- Hệ số vòng quay TTS là doanh thu thuần/ tổng tài sản (20.097.098.553.893/ 7.440.699.877.539) tương đương 2,70 vòng.

- Vòng quay vốn lưu động là doanh thu thuần/ tài sản ngắn hạn (20.097.098.553.893/ 5.874.469.057.664) tương đương 3,42 vòng.

- Chu kỳ hàng tồn kho là hàng tồn kho bình quân/ Giá vốn hàng bán x thời gian 365 ngày (1.414.422.927.101/ 19.674.306.429.213)x 365, tương đương 26 ngày hay số vòng quay trong năm là 14 vòng/năm.

- Thời gian thu hồi công nợ khách hàng là Giá trị các khoản phải thu thương mại bình quân/ doanh thu thuần) x thời gian 365 ngày (1.032.696.337.830/ 20.097.098.553.893x 365 ngày), tương đương 19 ngày, hay số vòng quay công nợ phải thu bình quân hàng năm là 19,46 vòng/năm.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Tỷ suất lợi nhuận gộp là lợi nhuận gộp từ bán hàng/ doanh thu thuần (422.792.124.680/ 20.097.098.553.893) tương đương 2,10 %.

Hệ số lãi ròng là tỷ lệ lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần (69.202.249.041/ 20.097.098.553.893) tương đương 0,34%.

Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân (58.229.443.541/ 7.440.699.877.539) tương đương 0,78%.

Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (58.229.443.541/ 873.239.800.000) tương đương 6,67%.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay so với lãi vay (EBIT) là (71.756.987.205+ 128.070.887.267)/ 128.070.887.267 tương đương 1,56 lần.

2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và tính cân trọng trong công tác kế toán,

thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tài chính được lập hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2023; được cung cấp đầy đủ số liệu nội dung kê toán theo quy định.

Các cuộc họp của ban kiểm soát.

- Ngày 20/01/2023, họp triển khai công tác lập báo cáo kiểm soát năm 2022 và kế hoạch kiểm tra kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 tại các Công ty thành viên do Petimex nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Ngày 06/04/2023, họp ban kiểm soát thông qua báo cáo ban kiểm soát năm 2022 đề trình đại hội đồng cổ đông năm 2023 và báo cáo kiểm soát kiểm soát quý 01/2023.

- Ngày 28/07/2023, họp ban kiểm soát thông qua báo cáo kiểm soát đến 30/06/2023.

- Ngày 05/10/2023, họp ban kiểm soát thông qua báo cáo kiểm soát đến 30/09/2023.

- Ngày 02/11/2023, họp ban kiểm soát thông qua báo cáo nhiệm kỳ 2018-2023 đề trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023-2028.

- Ngày 11/12/2023, họp ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 để bầu trưởng ban kiểm soát.

Thống kê chi tiết các cuộc họp của thành viên ban kiểm soát.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Minh Lộc	06	100%	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	06	100%	100%	Không có
3	Bà Nguyễn Ngọc Lưu	06	100%	100%	Không có

Ngoài các cuộc họp riêng, Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị (75 cuộc họp được lập biên bản) và các cuộc họp của Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát, thu nhập của năm 2022 chuyển chi trả trong năm 2023 là 290.701.611 đồng, thu nhập năm 2023 và chi trả trong năm là 608.842.000 đồng, tổng thu nhập chi trả trong năm 2023 là 899.543.611 đồng.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Nội dung	Số Tiền
1	Nguyễn Minh Lộc	Trưởng BKS	Thu nhập Ban kiểm soát chuyên trách	827.543.611
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TV BKS	Thù lao Ban kiểm soát không chuyên trách	36.000.000
4	Nguyễn Ngọc Lưu	TV BKS	Thù lao Ban kiểm soát không chuyên trách	36.000.000
	Tổng cộng			899.543.611

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Đại diện cho quyền và lợi ích của các cổ đông, Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm

cùng với Tổng Giám đốc điều hành chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, đôn đốc Ban điều hành cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng những chương trình hành động cụ thể, có giải pháp phù hợp với tình hình thực tế đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Ngày 18/05/2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, kết quả đại hội thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2022. Tại đại hội, cổ đông đã biểu quyết miễn nhiệm 02 thành viên hội đồng quản trị và bầu bổ sung 02 thành viên, hiện tại là 04 thành viên Hội đồng Quản trị.

Hội đồng quản trị đã tiến hành 75 cuộc họp, ban hành 19 nghị quyết, cơ sở cho Tổng Giám đốc triển khai trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Giao dịch giữa Petimex với các công ty thành viên do Petimex góp vốn.

- Giao dịch giữa Petimex với Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô (Petimex góp 22.950.000.000 đồng chiếm 64,1% vốn điều lệ), Hợp đồng mua bán xăng dầu số lượng 56.961.000 lít, trị giá 1.082 tỷ đồng; hợp đồng khoán trạm số lượng 19.371.740 lít, thành tiền 191 tỷ đồng.

- Giao dịch giữa Petimex với Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp (Petimex góp 55.376.950.000 đồng chiếm 51% vốn điều lệ), Hợp đồng mua bán xăng dầu số lượng 179.232.687 lít, trị giá 3.432 tỷ đồng; hợp đồng khoán trạm số lượng 10.248.857 lít, thành tiền 211 tỷ đồng; hợp đồng thuê xe bồn trị giá 60 triệu đồng.

- Giao dịch giữa Petimex với Công ty CP Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp (24.072.720.000 đồng chiếm 51% trên vốn điều lệ), hợp đồng vận chuyển giá trị 35,2 tỷ đồng.

- Giao dịch giữa Petimex với Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà (Petimex góp 9,26 tỷ đồng chiếm 50,53% trên vốn điều lệ), hợp đồng cho thuê Khách sạn Hòa Bình giá trị 1,5 tỷ đồng.

- Giao dịch giữa Petimex với Công ty CP Khí Hóa Lỏng Đồng Tháp (Petimex góp 20,4 tỷ đồng, chiếm 34% vốn điều lệ), Thu cổ tức năm 2022 là 2,86 tỷ đồng.

5. Nhận xét của kiểm soát.

Đối với thuế hàng nhập khẩu do Chi cục Hải quan Nhơn Trạch quyết định truy thu cho các tờ khai nhập khẩu xăng dầu trong giai đoạn 2016 và 2017 với tổng số tiền là 80.236.779.844 đồng (trong đó thuế nhập khẩu là 62.371.179.257 đồng, lãi chậm nộp 17.865.600.587 đồng), trước đây đã được cơ quan hải quan quyết định hoàn thuế nhưng sau đó quyết định thu hồi, do đó Công ty đã khiếu kiện để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty, vụ việc đang được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý.

Phải thu nợ tiền hàng của công ty CP TM Dầu khí Cửu Long (PTC) đến ngày 31/12/2023 là 166.545.223.821 đồng, đây là khoản nợ khó đòi kéo dài qua nhiều năm và đến thời điểm hiện tại chưa được thu hồi dứt điểm, Ban điều hành đã đưa nhiều biện pháp nhằm hoàn vốn cho công ty cụ thể quyết định số 04/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 01/03/2024 của Hội đồng quản trị về việc lập ban thu hồi công nợ đối với PTC, đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý tài sản để đảm bảo khả năng thu hồi cho Petimex.

Ban kiểm soát tham gia kiểm tra các công ty thành viên do Petimex nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo Kế hoạch số 27/KH-HĐQT-TMDK ngày 29/12/2023 và Quyết định số 36/QĐ-HĐQT-TMDK ngày 29/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp. Kiến nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo người đại diện

phần vốn tại các công ty do petimex góp vốn thực hiện kết luận của đoàn kiểm tra nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Petimex tại các công ty thành viên.

6. Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2024. Trên cơ sở của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023; điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ đã được quy định.

Tổ chức công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Tổng giám đốc Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế hoạt động kinh doanh, nghị quyết, quyết định đã được ban hành. Tham dự các cuộc họp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp.

Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm 2024 theo quy định.

Trên đây là Báo cáo hoạt động giám sát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Kính trình Đại hội./.

Nơi nhận:

- Trình ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Người điều hành;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Lộc